

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của  
Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại  
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1124/CBTT-PBMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

**1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

- Mã chứng khoán: SFG
- Địa chỉ: 125B Cách mạng tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 02838.325.889 Fax: 02838.322.807
- E-mail: congty@phanbonmiennam.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam công bố “Báo cáo tài chính bán niên 2023 đã được kiểm toán kèm công văn giải trình”.

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/8/2023 tại đường dẫn [http:// www.phanbonmiennam.com.vn](http://www.phanbonmiennam.com.vn)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính bán niên 2023.
- Công văn giải trình số 1105/CV-PBMN

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP PHÂN BÓN MIỀN NAM  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**Nguyễn Hồng Trường**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1105/ICV-PBMN  
V/v giải trình kết quả hoạt động  
kinh doanh tổng hợp 6 tháng đầu  
năm 2023 của Công ty sau soát  
xét.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

- Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- Mã chứng khoán: SFG

Theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tổng hợp 6 tháng đầu năm 2023 của Báo cáo tài chính, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam sau soát xét đạt: 25.661.261.354 đồng, giảm 23.788.791.520 đồng so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ. Công ty xin giải trình những nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 giảm 515.873.873.793 đồng, giảm 42% so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ; lợi nhuận gộp giảm 98.831.250.487 đồng, giảm 95% so với 6 tháng cùng kỳ do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 42% nhưng giá vốn hàng bán giảm 37% so với cùng kỳ;

- Doanh thu tài chính tăng 55.726.821.978 đồng, tăng 5,5 lần so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ do Công ty được chia lợi nhuận từ Công ty liên kết;

- Chi phí tài chính giảm 4.868.337.087 đồng, giảm 31% so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ, chủ yếu do giảm dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng bình quân trong kỳ so với cùng kỳ;

- Chi phí bán hàng giảm 1.287.441.583 đồng, giảm 6% so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ, chi phí bán hàng giảm do doanh thu giảm so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ;

- Chi phí quản lý tăng 671.489.861 đồng, tăng 4% so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ;



- Lợi nhuận khác tăng 1.488.986.341 đồng, tăng 83% so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm 12.342.361.839 đồng so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ.

Từ những nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty giảm so với 6 tháng đầu năm cùng kỳ./.

Trân trọng!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, người CBTT, KT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*Dặng Lân Thành*



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023  
(đã được soát xét)

M.S.C.N: 01

M.S.D.M  
QUA

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 49
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 49

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch
Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên
Ông Hà Thái Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Tấn Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2023)
Ông Đỗ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2023)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Võ Anh Tuấn	Trưởng ban	(Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)
Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng ban	(Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	
Ông Trần Châu Minh	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)
Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đặng Tấn Thành



Số: 080823-003 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được lập ngày 08 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>929.625.067.141</b>	<b>869.306.734.718</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>29.425.575.525</b>	<b>17.557.593.990</b>
111	1. Tiền		9.425.575.525	7.557.593.990
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	10.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>330.355.000.000</b>	<b>154.800.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		330.355.000.000	154.800.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>244.049.218.417</b>	<b>103.852.236.249</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	244.696.108.798	119.974.049.325
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	18.158.790.410	8.399.918.376
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	10.725.223.253	3.820.287.883
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(29.530.904.044)	(28.342.019.335)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>09</b>	<b>306.635.112.650</b>	<b>571.505.485.112</b>
141	1. Hàng tồn kho		306.635.112.650	571.505.485.112
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>19.160.160.549</b>	<b>21.591.419.367</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.225.981.198	2.795.829.565
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		12.255.867.099	14.852.810.684
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	3.678.312.252	3.942.779.118
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>201.756.370.320</b>	<b>213.532.150.844</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>164.741.000</b>	<b>300.591.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	174.741.000	310.591.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(10.000.000)	(10.000.000)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>147.698.122.151</b>	<b>157.833.130.716</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	63.947.276.710	72.303.381.859
222	- Nguyên giá		528.103.762.475	529.326.243.501
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(464.156.485.765)	(457.022.861.642)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	-	519.261.369
225	- Nguyên giá		-	1.246.227.273
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(726.965.904)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	83.750.845.441	85.010.487.488
228	- Nguyên giá		114.702.444.707	114.702.444.707
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.951.599.266)	(29.691.957.219)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>2.180.469.402</b>	<b>1.074.170.840</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.180.469.402	1.074.170.840
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>43.874.896.709</b>	<b>43.874.896.709</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		43.874.896.709	43.874.896.709
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.838.141.058</b>	<b>10.449.361.579</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	7.705.530.159	10.407.513.144
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	132.610.899	41.848.435
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.131.381.437.461</b>	<b>1.082.838.885.562</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>514.549.161.680</b>	<b>467.710.121.329</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>514.274.092.641</b>	<b>467.338.259.154</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	60.022.862.356	61.272.594.077
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.276.808.427	10.056.347.986
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.128.630.798	-
314	4. Phải trả người lao động		19.953.694.087	55.098.306.935
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.069.649.766	3.501.834.578
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	29.837.794.843	64.055.040.100
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	385.421.207.359	270.410.195.429
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	6.324.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.239.445.005	2.943.940.049
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>275.069.039</b>	<b>371.862.175</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	149.069.039	149.069.039
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	126.000.000	126.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	-	96.793.136
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>616.832.275.781</b>	<b>615.128.764.233</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>616.832.275.781</b>	<b>615.128.764.233</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		478.973.330.000	478.973.330.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		478.973.330.000	478.973.330.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		91.722.508.590	78.213.308.772
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.390.923.137	7.390.923.137
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.745.514.054	50.551.202.324
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		13.084.252.700	5.520.536.264
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		25.661.261.354	45.030.666.060
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.131.381.437.461</b>	<b>1.082.838.885.562</b>

Người lập

Trần Thị Nga

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Hương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đặng Tấn Thành

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	719.264.584.308	1.235.138.458.101
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	782.462.666	7.666.656.311
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		718.482.121.642	1.227.471.801.790
11	4. Giá vốn hàng bán	27	712.783.008.532	1.122.941.438.193
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.699.113.110	104.530.363.597
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	68.211.330.666	12.484.508.688
22	7. Chi phí tài chính	29	10.980.618.081	15.848.955.168
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.456.678.081	14.445.273.283
25	8. Chi phí bán hàng	30	20.892.998.034	22.180.439.617
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	19.251.516.082	18.580.026.221
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.785.311.579	60.405.451.279
31	11. Thu nhập khác	32	4.001.242.197	2.174.160.240
32	12. Chi phí khác	33	718.815.722	380.720.106
40	13. Lợi nhuận khác		3.282.426.475	1.793.440.134
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.067.738.054	62.198.891.413
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	497.239.164	12.455.406.397
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	(90.762.464)	293.432.142
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.661.261.354	49.450.052.874
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	536	1.032

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Người lập

Trần Thị Nga

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Đặng Tấn Thành

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.067.738.054	62.198.891.413
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.174.917.656	12.969.533.890
03	- Các khoản dự phòng		7.512.884.709	35.851.307.985
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		439.162.656	(1.053.197.487)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(65.899.999.350)	(9.896.033.181)
06	- Chi phí lãi vay		9.456.678.081	14.445.273.283
07	- Các khoản điều chỉnh khác		497.239.164	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.751.379.030)	114.515.775.903
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(135.688.504.290)	(98.876.323.298)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		264.870.372.462	(74.339.684.093)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(96.645.192.944)	(5.130.978.966)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.271.831.352	3.427.651.934
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.424.536.036)	(14.407.758.598)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(497.239.164)	(10.149.439.887)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.503.311.650)	(223.108.748)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.632.040.700	(85.183.865.753)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.381.207.653)	(6.004.646.031)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		700.085.182	78.636.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(330.355.000.000)	(470.270.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		154.800.000.000	296.984.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		62.189.002.867	8.044.293.359
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(117.047.119.604)	(171.167.716.308)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		439.080.206.378	1.087.470.001.769
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(324.357.998.029)	(915.580.386.366)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(434.102.496)	(217.051.248)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.565.700)	(3.279.588.200)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>114.282.540.153</i>	<i>168.392.975.955</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ kế toán		11.867.461.249	(87.958.606.106)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ kế toán		17.557.593.990	101.697.190.454
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		520.286	812.713.512
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ kế toán	03	<u>29.425.575.525</u>	<u>14.551.297.860</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023

Người lập

Trần Thị Nga

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Đặng Tấn Thành

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 478.973.330.000 VND, tương đương 47.897.333 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 478.973.330.000 VND;

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 550 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 680 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất phân bón, kinh doanh thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phân bón các loại: Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế 06 tháng đầu năm 2023 giảm 36,131 tỷ VND (tương đương 58,09%) so với cùng kỳ năm 2022. Chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 508,990 tỷ VND (tương đương 41,47%), giá vốn hàng bán giảm 410,158 tỷ VND (tương đương 36,53%). Sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do chi phí sản xuất giảm (than và khí tự nhiên hạ nhiệt). Chính sách hạn chế xuất khẩu phân phân bón của Nga và Trung Quốc đã được nới khiến nguồn cung phân bón toàn cầu tăng trong khi nhu cầu sử dụng suy yếu làm cho giá phân bón, hóa chất giảm mạnh.
- Ngoài ra trong kỳ Công ty ghi nhận khoản Cổ tức được chia từ Công ty TNHH Hóa Chất Chất Hóa Dẻo VINA - Công ty liên kết, làm cho Doanh thu tài chính 06 tháng đầu năm tăng 55,727 tỷ (tương đương 446,37%) so với cùng kỳ năm 2022.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Phân bón Hiệp Phước	Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Phân bón Cửu Long	Số 405, Quốc lộ 1A, xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Super Phốt phát Long Thành	KCN Gò Dầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy sản xuất Bao bi	C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh bao bi

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Khoản đầu tư vào công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền từng tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của từng loại, nhưng tối đa không quá 03 năm, việc xác định thời gian sử dụng hữu ích theo đánh giá của bộ phận kỹ thuật Công ty, dựa trên hiện trạng và nhu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm đánh giá.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí bốc xếp, làm hàng, các khoản chiết khấu thương mại... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

6-C.T.T  
NH  
INHH  
M TOÁN  
SC  
: HỒ CHÍ

## **2.18 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **2.19 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, thuê mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## **2.20 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

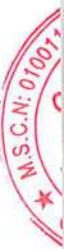
Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết nghị thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên hằng năm. Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được theo dõi và ghi nhận cho từng đối tượng cụ thể sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.21 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.23 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

**2.24 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ kế toán, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.
- Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành  
Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

#### **2.26 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### **2.27 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### **2.28 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.402.468.015	2.146.560.698
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.023.107.510	5.411.033.292
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	10.000.000.000
	<b>29.425.575.525</b>	<b>17.557.593.990</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,0%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>330.355.000.000</b>	-	<b>154.800.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	330.355.000.000	-	154.800.000.000	-
	<b>330.355.000.000</b>	-	<b>154.800.000.000</b>	-

(\*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 7,8%/năm đến 10,1%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>43.874.896.709</b>	-	-	<b>43.874.896.709</b>	-	-
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina (trước đây là: Công ty TNHH Hóa chất LG Vina)	43.874.896.709	-	-	43.874.896.709	-	-
	<b>43.874.896.709</b>	-	-	<b>43.874.896.709</b>	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	Tỉnh Đồng Nai	35,00%	35,00%	Sản xuất và kinh doanh chất hoá dẻo chủ yếu cho ngành nhựa PVC.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.911.457.674</b>	<b>-</b>	<b>19.151.778.718</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	3.340.831.181	-	17.365.146.020	-
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	763.514.985	-	671.902.584	-
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	540.937.802	-	-	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	266.173.706	-	95.617.514	-
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam - Xí nghiệpẮc quy Đồng Nai	-	-	163.350.000	-
- Chi Nhánh Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam - Xí nghiệpẮc quy Đồng Nai 2	-	-	855.762.600	-
<b>Phải thu khách hàng là các bên khác</b>	<b>239.784.651.124</b>	<b>(29.450.904.044)</b>	<b>100.822.270.607</b>	<b>(28.262.019.335)</b>
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Vân	40.961.683.000	-	2.902.000.000	-
- Heartychem Corporation	17.859.653.350	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Phân bón Thịnh Nông	16.605.622.781	-	2.305.766.672	-
- Công ty TNHH Phân bón Nguyên Ngọc	10.548.055.500	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tấn Tài	9.358.046.560	-	9.704.610.000	-
- Công ty TNHH Đức Hạnh Mộc Châu	7.650.921.920	-	873.930.000	-
- Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng Hợp Đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	6.270.080.000	-	4.591.251.400	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Hùng Thịnh Đăk Nông	5.886.330.000	-	28.709.340	-
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - CN Kinh doanh Hóa chất Dầu Khí	5.729.122.295	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Huy Chính	5.193.405.000	-	1.975.064.200	-
- Công ty TNHH Thương mại Trung Hiếu	4.593.955.642	-	3.334.440.642	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.947.423.128	(9.459.804.297)	11.987.423.128	(6.668.403.592)
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Sĩ	8.712.466.354	(8.712.466.354)	8.712.466.354	(8.712.466.354)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	88.467.885.594	(11.278.633.393)	54.406.608.871	(12.881.149.389)
	<b>244.696.108.798</b>	<b>(29.450.904.044)</b>	<b>119.974.049.325</b>	<b>(28.262.019.335)</b>



## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>101.690.000</b>	<b>-</b>	<b>148.712.955</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	96.090.000	-	96.090.000	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	-	-	52.622.955	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	5.600.000	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán là các bên khác</b>	<b>18.057.100.410</b>	<b>(80.000.000)</b>	<b>8.251.205.421</b>	<b>(80.000.000)</b>
- Công ty TNHH MTV Phân bón Bình Nguyên	1.000.000.000	-	4.013.985.000	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tấn Tài	9.250.000.000	-	-	-
- GuangZhou Kingboron New Material Co., Ltd	1.640.475.200	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Phúc Lộc	-	-	2.325.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	6.166.625.210	(80.000.000)	1.912.220.421	(80.000.000)
	<b>18.158.790.410</b>	<b>(80.000.000)</b>	<b>8.399.918.376</b>	<b>(80.000.000)</b>

## 7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Phải thu về tạm ứng	2.061.255.154	-	386.976.855	-
- Ký cược, ký quỹ	445.000.000	-	75.000.000	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.005.201.027	-	489.909.764	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	5.319.252.671	-	2.308.341.370	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Thương mại Phúc Lộc tiền lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng	671.842.192	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam về hàng cho mượn	460.622.856	-	-	-
- Phải thu khác	762.049.353	-	560.059.894	-
	<b>10.725.223.253</b>	<b>-</b>	<b>3.820.287.883</b>	<b>-</b>

## 7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>460.622.856</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hóa Chất Cơ Bản Miền Nam	460.622.856	-	-	-
<b>Phải thu khác là các bên khác</b>	<b>10.264.600.397</b>	-	<b>3.820.287.883</b>	-
- Phải thu các Ngân hàng Thương mại lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.319.252.671	-	2.308.341.370	-
- Các đối tượng khác	4.945.347.726	-	1.511.946.513	-
	<b>10.725.223.253</b>	-	<b>3.820.287.883</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>Chi tiết theo nội dung</b>				
- Ký cược, ký quỹ	174.741.000	(10.000.000)	310.591.000	(10.000.000)
	<b>174.741.000</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>310.591.000</b>	<b>(10.000.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá trị	Dự phòng	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Dự phòng	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>73.664.786.677</b>	<b>29.450.904.044</b>	<b>44.213.882.633</b>	<b>81.525.356.141</b>	<b>28.262.019.335</b>	<b>53.263.336.806</b>
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Ngọc Hùng	2.954.703.200	2.954.703.200	-	2.954.703.200	2.954.703.200	-
- SL Agrimex Group Co., Ltd	2.851.670.320	2.851.670.320	-	2.851.670.320	2.851.670.320	-
- Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Hùng Long Group	993.800.000	783.312.500	210.487.500	1.522.971.400	1.066.079.980	456.891.420
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.947.423.128	9.459.804.297	2.487.618.831	11.987.423.128	6.668.403.592	5.319.019.536
- Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Hiếu	4.593.955.642	-	4.593.955.642	3.334.440.642	-	3.334.440.642
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Sĩ	8.712.466.354	8.712.466.354	-	8.712.466.354	8.712.466.354	-
- Các đối tượng khác	41.610.768.033	4.688.947.373	36.921.820.660	50.161.681.097	6.008.695.889	44.152.985.208
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>90.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>-</b>	<b>90.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>-</b>
- Trung Tâm Khảo Kiểm Nghiệm Phân Bón Vùng Nam Bộ	70.000.000	70.000.000	-	70.000.000	70.000.000	-
- Công ty TNHH MTV TM DV Giao nhận và Vận tải quốc tế HBT	20.000.000	10.000.000	-	20.000.000	10.000.000	-
<b>Ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>
- Trung Tâm Khảo Kiểm Nghiệm Phân Bón Vùng Nam Bộ	10.000.000	10.000.000	-	10.000.000	10.000.000	-
	<b>73.764.786.677</b>	<b>29.540.904.044</b>	<b>44.213.882.633</b>	<b>81.625.356.141</b>	<b>28.352.019.335</b>	<b>53.263.336.806</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.522.236.500	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	129.063.847.400	-	339.338.496.794	-
Công cụ, dụng cụ	34.268.384	-	8.217.439	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.374.296.401	-	2.103.892.912	-
Thành phẩm	164.415.932.541	-	204.760.254.709	-
Hàng hoá	286.364.400	-	271.341.400	-
Hàng gửi đi bán	8.938.167.024	-	25.023.281.858	-
	<b>306.635.112.650</b>	<b>-</b>	<b>571.505.485.112</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>780.443.567</b>	<b>1.074.170.840</b>
- Dự án nâng cấp dây chuyền NPK 100.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	-	282.727.273
- Dự án Cao ốc văn phòng Công ty	780.443.567	780.443.567
- Dự án Đầu tư máy tráng màng PE và máy in 2 mặt - Nhà máy Bao bì	-	11.000.000
<b>Sửa chữa lớn</b>	<b>1.400.025.835</b>	<b>-</b>
- Sửa chữa dây chuyền Sản xuất Axit H2SO4 98% - Công suất 40.000 tấn/năm - Nhà máy Long Thành	1.400.025.835	-
	<b>2.180.469.402</b>	<b>1.074.170.840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	209.514.050.199	277.773.106.097	37.611.380.978	4.427.706.227	529.326.243.501
- Mua trong kỳ	-	3.039.909.091	-	-	3.039.909.091
- Mua lại Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	380.791.673	-	380.791.673
- Thanh lý, nhượng bán	(96.321.879)	(1.096.581.838)	(3.450.278.073)	-	(4.643.181.790)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>209.417.728.320</b>	<b>279.716.433.350</b>	<b>34.541.894.578</b>	<b>4.427.706.227</b>	<b>528.103.762.475</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	184.674.012.431	237.047.102.727	31.205.030.459	4.096.716.025	457.022.861.642
- Khấu hao trong kỳ	2.961.379.206	7.755.043.861	976.996.658	83.386.188	11.776.805.913
- Thanh lý, nhượng bán	(96.321.879)	(1.096.581.838)	(3.450.278.073)	-	(4.643.181.790)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>187.539.069.758</b>	<b>243.705.564.750</b>	<b>28.731.749.044</b>	<b>4.180.102.213</b>	<b>464.156.485.765</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	24.840.037.768	40.726.003.370	6.406.350.519	330.990.202	72.303.381.859
Tại ngày cuối kỳ	<b>21.878.658.562</b>	<b>36.010.868.600</b>	<b>5.810.145.534</b>	<b>247.604.014</b>	<b>63.947.276.710</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 366.629.748.725 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	1.246.227.273	1.246.227.273
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.246.227.273)	(1.246.227.273)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	726.965.904	726.965.904
- Khấu hao trong kỳ	138.469.696	138.469.696
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(865.435.600)	(865.435.600)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	519.261.369	519.261.369
Tại ngày cuối kỳ	-	-

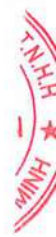
**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>113.624.444.707</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>114.702.444.707</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	28.667.857.200	1.024.100.019	29.691.957.219
- Khấu hao trong kỳ	1.205.742.066	53.899.981	1.259.642.047
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>29.873.599.266</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>30.951.599.266</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	84.956.587.507	53.899.981	85.010.487.488
Tại ngày cuối kỳ	<b>83.750.845.441</b>	-	<b>83.750.845.441</b>

(\*) Tài sản cố định vô hình tại Công ty là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 125B Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến hết năm 2061 và Quyền sử dụng đất tại Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến năm 2048.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	956.677.568	2.055.357.089
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	926.847.899	665.739.613
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	749.915.340	74.732.863
- Các chi phí chờ phân bổ khác	592.540.391	-
	<u>3.225.981.198</u>	<u>2.795.829.565</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	152.345.457
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.849.668.201	9.119.803.817
- Chi phí phân bổ chất xúc tác	855.861.958	1.135.363.870
	<u>7.705.530.159</u>	<u>10.407.513.144</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>269.976.092.933</b>	<b>257.441.677.469</b>	<b>439.824.925.401</b>	<b>324.379.810.975</b>	<b>385.421.207.359</b>	<b>385.421.207.359</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	77.109.905.763	77.109.905.763	245.610.986.413	93.815.857.353	228.905.034.823	228.905.034.823
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	140.109.653.819	140.109.653.819	63.808.396.720	147.831.672.381	56.086.378.158	56.086.378.158
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé	31.522.117.887	31.522.117.887	76.893.592.883	57.572.350.589	50.843.360.181	50.843.360.181
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	8.700.000.000	8.700.000.000	22.531.455.880	8.700.000.000	22.531.455.880	22.531.455.880
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3 (USD)	12.167.839.812	-	27.164.493.505	12.277.355.000	27.054.978.317	27.054.978.317
- Ngân hàng TNHH MTV CTBC (Việt Nam) - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	-	3.816.000.000	3.816.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VIB	366.575.652	-	-	366.575.652	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>434.102.496</b>	<b>434.102.496</b>	<b>-</b>	<b>434.102.496</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	434.102.496	434.102.496	-	434.102.496	-	-
	<b>270.410.195.429</b>	<b>257.875.779.965</b>	<b>439.824.925.401</b>	<b>324.813.913.471</b>	<b>385.421.207.359</b>	<b>385.421.207.359</b>





15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	530.895.632	530.895.632	-	530.895.632	-	-
	<u>530.895.632</u>	<u>530.895.632</u>	<u>-</u>	<u>530.895.632</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(434.102.496)	(434.102.496)	-	(434.102.496)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>96.793.136</u>	<u>96.793.136</u>			<u>-</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Hạn mức cho vay	30/06/2023	
							USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.21100155/2022-HĐCVHM/NHCT900-SFG ngày 30/12/2022	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	400.000.000.000 VND (hoặc Đồng Đô la Mỹ (USD) tương đương)	9.516.425,93	4.519.606.926 224.385.427.897
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0050/2328/N-CTD ngày 10/05/2023	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tài sản cố định	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	300.000.000.000 VND		56.086.378.158
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé	Hợp đồng tín dụng số 02/2022/7609940/HĐTD ngày 18/11/2022	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	200.000.000.000 VND (hoặc Đồng Đô la Mỹ (USD) tương đương)	183.945,00	46.506.167.012 4.337.193.169
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HĐTD/PBMN/201705 ngày 13/07/2017 và Phụ lục số SHBVN/BC/ANNEX08/PBMN/202208 ngày 19/08/2022	Theo từng khế ước nhận nợ	Không quá 12 tháng theo từng Khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	960.000 USD (hoặc Việt Nam Đồng (VND) tương đương)		22.531.455.880
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3	Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-202300 ngày 20/04/2023	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C mua hàng hóa/ nguyên vật liệu	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	60.000.000.000 VND (hoặc Đồng Đô la Mỹ (USD) tương đương)	1.147.430,56	27.054.978.317
							<b>10.847.801,49</b>	<b>385.421.207.359</b>

**15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Bên cho thuê tài chính	Hợp đồng vay	Lãi suất	Tài sản thuê	Thời hạn thanh toán	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng số tiền thuê	30/06/2023	01/01/2023	
						VND	VND	VND	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	Hợp đồng Cho thuê tài chính số B210220801 ngày 01/03/2021	Thả nổi	Ô tô con Toyota	36 tháng	1.358.500.000	1.290.575.000	-	530.895.632	
							-	<b>530.895.632</b>	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng								-	(434.102.496)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng								-	<b>96.793.136</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>12.501.138.640</b>	<b>12.501.138.640</b>	<b>20.656.591.710</b>	<b>20.656.591.710</b>
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	7.517.714.000	7.517.714.000	50.000	50.000
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	4.980.306.140	4.980.306.140	23.741.710	23.741.710
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	-	20.632.800.000	20.632.800.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn - Xí nghiệp Hơi Kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	3.118.500	3.118.500	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên khác</b>	<b>47.521.723.716</b>	<b>47.521.723.716</b>	<b>40.616.002.367</b>	<b>40.616.002.367</b>
- Công ty TNHH TM Dịch vụ XNK Tường Nguyên	11.554.431.900	11.554.431.900	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng	6.457.469.577	6.457.469.577	6.199.156.022	6.199.156.022
- Mitsui & Co. (Asia Pacific) Pte., Ltd	4.987.630.701	4.987.630.701	-	-
- Công ty TNHH Công nghệ Xuân Trường	4.236.302.440	4.236.302.440	-	-
- Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	2.160.290.000	2.160.290.000	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Quang Phú	-	-	3.198.111.251	3.198.111.251
- Các khoản phải trả người bán khác	18.125.599.098	18.125.599.098	31.218.735.094	31.218.735.094
	<b>60.022.862.356</b>	<b>60.022.862.356</b>	<b>61.272.594.077</b>	<b>61.272.594.077</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên khác</b>				
- HeartyChem Corporation	-	-	2.274.903.177	2.274.903.177
- Công ty TNHH Vương Kim Huệ	-	-	1.650.000.000	1.650.000.000
- Công ty TNHH Phân phối Minh Thông	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.276.808.427	1.276.808.427	3.931.444.809	3.931.444.809
	<b>1.276.808.427</b>	<b>1.276.808.427</b>	<b>10.056.347.986</b>	<b>10.056.347.986</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.043.647.738	3.043.647.738	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	73.521.000	73.521.000	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.873.534.463	-	497.239.164	-	3.376.295.299	-
- Thuế thu nhập cá nhân	69.244.655	-	66.662.828	299.435.126	302.016.953	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.466.916.835	338.286.037	-	1.128.630.798
- Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	17.361.817	17.361.817	-	-
	<b>3.942.779.118</b>	<b>-</b>	<b>5.172.349.382</b>	<b>3.779.251.718</b>	<b>3.678.312.252</b>	<b>1.128.630.798</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	292.787.293	260.645.248
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi	663.054.495	209.242.175
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp, làm hàng	2.622.532.764	2.175.373.321
- Chi phí phải trả khác	491.275.214	856.573.834
	<b>4.069.649.766</b>	<b>3.501.834.578</b>

**20 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	999.884.019	387.723.777
- Phải trả về cổ phần hoá	3.623.472.867	3.623.472.867
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	758.200.000	1.802.450.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.714.012.200	560.644.700
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	31.306.860.000
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hiệp Phú	-	22.524.164.647
- Phải trả tiền giữ hộ Khu cư xá Nhà máy Long Thành	1.555.582.548	1.555.582.548
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.186.643.209	2.294.141.561
	<b>29.837.794.843</b>	<b>64.055.040.100</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
<b>Phải trả khác là các Bên liên quan</b>	<b>16.122.998.067</b>	<b>3.665.472.867</b>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	16.122.998.067	3.665.472.867
<b>Phải trả khác là các Bên khác</b>	<b>13.714.796.776</b>	<b>60.389.567.233</b>
- Phải trả các Cổ đông khác tiền Cổ tức	7.250.487.000	560.644.700
- Phải trả tiền giữ hộ Khu cư xá Nhà máy Long Thành	1.555.582.548	1.555.582.548
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	31.306.860.000
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hiệp Phú	-	22.524.164.647
- Các khoản phải trả, phải nộp các đối tượng khác	4.908.727.228	4.442.315.338
	<b>29.837.794.843</b>	<b>64.055.040.100</b>

**20 PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	126.000.000	126.000.000
	<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>

**21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng (*)	149.069.039	149.069.039
	<b>149.069.039</b>	<b>149.069.039</b>

(\*) Doanh thu nhận trước là tiền cho Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 07/DHTD ngày 25/09/2005 với thời gian thuê là 40 năm.

**22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Tại ngày 30/06/2023, dự phòng phải trả ngắn hạn là chi phí sửa chữa nhà xưởng và các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổng số tiền là 6.324.000.000 VND. Số liệu dự phòng phải trả này được trích lập căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kế hoạch sửa chữa lớn trong năm 2023 trên cơ sở xem xét tình hình sửa chữa thực tế của các năm trước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	478.973.330.000	59.915.529.529	7.390.923.137	37.384.337.956	583.664.120.622
Lãi trong 06 tháng đầu năm 2022	-	-	-	49.450.052.874	49.450.052.874
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	18.297.779.243	-	(18.297.779.243)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.659.555.849)	(3.659.555.849)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(195.000.000)	(195.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.579.466.600)	(9.579.466.600)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2022</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>78.213.308.772</b>	<b>7.390.923.137</b>	<b>54.970.589.138</b>	<b>619.548.151.047</b>
Lỗ trong 06 tháng cuối năm 2022	-	-	-	(4.419.386.814)	(4.419.386.814)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>78.213.308.772</b>	<b>7.390.923.137</b>	<b>50.551.202.324</b>	<b>615.128.764.233</b>
Số dư tại ngày 01/01/2023	478.973.330.000	78.213.308.772	7.390.923.137	50.551.202.324	615.128.764.233
Lãi trong 06 tháng đầu năm 2023	-	-	-	25.661.261.354	25.661.261.354
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	13.509.199.818	-	(13.509.199.818)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(4.503.066.606)	(4.503.066.606)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(163.750.000)	(163.750.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(19.158.933.200)	(19.158.933.200)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>91.722.508.590</b>	<b>7.390.923.137</b>	<b>38.745.514.054</b>	<b>616.832.275.781</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023 và Thông báo số 1063/TB-SGDHCM ngày 15/06/2023 về ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền nhận Cổ tức năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	100,00	45.030.666.060
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	13.509.199.818
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00	4.503.066.606
Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý Công ty (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách)	0,36	163.750.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	0,29	132.000.000
Chi trả cổ tức (4%/ Vốn điều lệ, tương ứng mỗi cổ phần nhận 400 đồng)	42,55	19.158.933.200
Lợi nhuận còn lại năm 2022 chưa phân phối	16,80	7.563.716.436

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,05	311.588.130.000	65,05	311.588.130.000
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB	5,00	23.929.270.000	5,00	23.929.270.000
- Cổ đông khác	29,95	143.455.930.000	29,95	143.455.930.000
	<b>100</b>	<b>478.973.330.000</b>	<b>100</b>	<b>478.973.330.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	478.973.330.000	478.973.330.000
- Vốn góp cuối kỳ	478.973.330.000	478.973.330.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	560.644.700	570.684.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	19.158.933.200	9.579.466.600
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	19.158.933.200	9.579.466.600
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(5.565.700)	(3.279.588.200)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(5.565.700)	(3.279.588.200)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<b>19.714.012.200</b>	<b>6.870.562.400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	47.897.333	47.897.333
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.897.333	47.897.333
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.		

**e) Các quỹ của công ty**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	91.722.508.590	78.213.308.772
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.390.923.137	7.390.923.137
	<b>99.113.431.727</b>	<b>85.604.231.909</b>

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất số 3710/TĐBĐ tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2007 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 95.606 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại lô B2 nằm trong Khu công nghiệp Hiệp Phước tại Đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2002 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 70.081,2 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 214/2017 tại xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2018 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 36.395,2 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại lô C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 11.939,1 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

Chủng loại, quy cách	Đvt	30/06/2023		01/01/2023	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
- Supe Lân Long Thành dạng bột	Tấn	3.226,80	Bình thường	514,95	Bình thường
- Supe Lân Long Thành dạng hạt	Tấn	609,55	Bình thường	310,00	Bình thường
- Kẽm Sunphat	Tấn	527,00	Bình thường	-	
- Borax Pentahydrate	Tấn	36,00	Bình thường	-	
- Phân NPK 15 - 15 - 15	Tấn	1.415,00	Bình thường	-	
- Axit Sunfuric 2 (H2SO4)	Tấn	-		801,99	Bình thường

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**c) Ngoại tệ các loại**

- Đô la Mỹ (USD)
- Đồng Euro (EUR)

	30/06/2023	01/01/2023
	10.215,27	4.351,22
	201,37	201,37
	<b>11.583.354.713</b>	<b>11.583.354.713</b>

**d) Nợ khó đòi đã xử lý**

- Cơ sở kinh doanh Phân bón Phạm Văn Ngọ
- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ
- Lê Thị Kim Mây
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông
- Công ty TNHH MTV Minh Thiện
- Các đối tượng khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
	1.026.767.935	1.026.767.935
	1.625.632.560	1.625.632.560
	958.333.307	958.333.307
	3.669.353.250	3.669.353.250
	2.052.498.348	2.052.498.348
	2.250.769.313	2.250.769.313
	<b>11.583.354.713</b>	<b>11.583.354.713</b>

**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán Nguyên vật liệu
- Doanh thu bán Thành phẩm
- Doanh thu khác

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
	155.980.743.333	496.571.661.484
	560.864.583.853	736.348.572.318
	2.419.257.122	2.218.224.299
	<b>719.264.584.308</b>	<b>1.235.138.458.101</b>
	<b>11.711.111.968</b>	<b>6.177.015.362</b>

**Trong đó: Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ  
cho các bên liên quan**

*Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 43.*

**26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

- Chiết khấu thương mại
- Hàng bán bị trả lại
- Giảm giá hàng bán

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
	549.673.666	7.883.992.311
	-	(252.000.000)
	232.789.000	34.664.000
	<b>782.462.666</b>	<b>7.666.656.311</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn Nguyên vật liệu đã bán	157.465.450.205	447.513.902.629
Giá vốn Thành phẩm đã bán	555.207.156.585	675.139.595.899
Giá vốn khác	110.401.742	287.939.665
	<b>712.783.008.532</b>	<b>1.122.941.438.193</b>
<b>Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan</b>		
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 43.</i>	<b>47.707.180.453</b>	<b>203.538.509.344</b>

**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.557.874.168	9.817.396.817
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.642.040.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	353.445.722	292.636.986
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.053.197.487
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.657.970.776	1.321.277.398
	<b>68.211.330.666</b>	<b>12.484.508.688</b>
<b>Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan</b>		
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 43.</i>	<b>58.060.294.996</b>	<b>1.122.100.650</b>

**29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.456.678.081	14.445.273.283
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	865.767.019	1.257.237.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	190.424.445	146.444.614
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	439.162.656	-
Chi phí tài chính khác	28.585.880	-
	<b>10.980.618.081</b>	<b>15.848.955.168</b>

**30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.406.392	245.083.368
Chi phí nhân công	2.086.992.120	2.338.483.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.600.092.440	16.202.186.332
Chi phí khác bằng tiền	6.987.507.082	3.394.686.364
	<b>20.892.998.034</b>	<b>22.180.439.617</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	120.802.895
Chi phí nhân công	8.370.876.792	6.338.535.460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.407.195.413	1.416.272.728
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi	1.188.884.709	(1.755.940.257)
Thuế, phí, lệ phí	567.546.926	589.273.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.916.924.797	5.132.194.533
Chi phí khác bằng tiền	2.800.087.445	6.738.887.346
	<b>19.251.516.082</b>	<b>18.580.026.221</b>

**32 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	700.085.182	78.636.364
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, cho thuê kho	1.004.253.549	396.272.726
Thu nhập từ bán phế liệu, dụng cụ	232.718.531	917.763.422
Thu nhập từ phí ủy thác nhập khẩu	-	546.092.783
Thu nhập từ xử lý chênh lệch kiểm kê	671.031.651	-
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	1.221.842.192	-
Thu nhập khác	171.311.092	235.394.945
	<b>4.001.242.197</b>	<b>2.174.160.240</b>

**33 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi thu gom phế liệu	82.621.000	-
Chi phí hỗ trợ, ủng hộ	34.000.000	37.000.000
Các khoản bị phạt	17.361.817	41.177.955
Chi phí khác	584.832.905	302.542.151
	<b>718.815.722</b>	<b>380.720.106</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	26.067.738.054	62.198.891.413
Các khoản điều chỉnh tăng	1.051.558.111	78.140.570
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	597.745.791	78.140.570
- Trích trước Chi phí chiết khấu, khuyến mãi trong kỳ	453.812.320	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(186.950.285)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(186.950.285)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	26.932.345.880	62.277.031.983
Thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(56.642.040.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(56.642.040.000)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.709.694.120)	62.277.031.983
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>12.455.406.397</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ kế toán trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	497.239.164	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(3.873.534.463)	2.864.241.146
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(10.149.439.887)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(3.376.295.299)</b>	<b>5.170.207.656</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023**35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	132.610.899	41.848.435
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>132.610.899</b>	<b>41.848.435</b>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	293.432.142
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(90.762.464)	-
	<b>(90.762.464)</b>	<b>293.432.142</b>

**36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	25.661.261.354	49.450.052.874
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.661.261.354	49.450.052.874
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ kế toán	47.897.333	47.897.333
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>536</b>	<b>1.032</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

## 37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	418.449.497.179	1.053.104.694.100
Chi phí nhân công	34.383.249.114	60.792.385.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.174.917.656	12.969.533.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.252.418.786	90.175.112.458
Chi phí khác bằng tiền	28.854.071.486	15.459.450.791
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.188.884.709	(1.755.940.257)
	<b>538.303.038.930</b>	<b>1.230.745.236.155</b>

## 38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị...

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.023.107.510	-	-	28.023.107.510
Phải thu khách hàng, phải thu khác	225.970.428.007	164.741.000	-	226.135.169.007
Các khoản cho vay	330.355.000.000	-	-	330.355.000.000
	<b>584.348.535.517</b>	<b>164.741.000</b>	-	<b>584.513.276.517</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.411.033.292	-	-	15.411.033.292
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.532.317.873	300.591.000	-	95.832.908.873
Các khoản cho vay	154.800.000.000	-	-	154.800.000.000
	<b>265.743.351.165</b>	<b>300.591.000</b>	-	<b>266.043.942.165</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>				
Vay và nợ	385.421.207.359	-	-	385.421.207.359
Phải trả người bán, phải trả khác	89.860.657.199	126.000.000	-	89.986.657.199
Chi phí phải trả	4.069.649.766	-	-	4.069.649.766
	<b>479.351.514.324</b>	<b>126.000.000</b>	-	<b>479.477.514.324</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	270.410.195.429	96.793.136	-	270.506.988.565
Phải trả người bán, phải trả khác	125.327.634.177	126.000.000	-	125.453.634.177
Chi phí phải trả	3.501.834.578	-	-	3.501.834.578
	<b>399.239.664.184</b>	<b>222.793.136</b>	-	<b>399.462.457.320</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**39 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
a) <b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ kế toán</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	439.080.206.378	1.087.470.001.769
b) <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ kế toán</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	324.357.998.029	915.580.386.366
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	434.102.496	217.051.248

**40 . THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 02/03/2022, Công ty nhận được Thông báo số 67/TB07-CCT của Chi cục thuế Quận Bình Tân liên quan đến khoản truy thu tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 07/2019 tại khu đất diện tích 4.937,3 m<sup>2</sup> tại số 368 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân - khu đất đã được Công ty bàn giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất từ ngày 23/07/2019 theo Quyết định thu hồi số 154/QĐ-UBND ngày 17/01/2015 của UBND Thành phố. Theo đó, số tiền thuê Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam còn nợ cho giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 07/2019 là 8.987.268.444 VND.

Qua các văn bản làm việc, ngày 22/09/2022 Công ty đã có buổi làm việc trực tiếp với Chi cục Thuế Quận Bình Tân, căn cứ theo biên bản làm việc phía Công ty đã có ý kiến về việc số tiền thuế nêu trên được cơ quan thuế xác định chưa đúng mục đích sử dụng đất thuê từ năm 2011 đến ngày 23/07/2019 là đất thuê dịch vụ thay vì đất sản xuất kinh doanh theo khoản 1, điều 1 của Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 25/10/2006. Cũng trong buổi làm việc này, các bên đã thống nhất trong thời gian chờ phúc đáp của Sở Tài nguyên và Môi trường về mục đích sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Công ty sẽ tạm thực hiện nghĩa vụ tiền thuê theo mục đích sử dụng đất là đất cơ sở sản xuất kinh doanh theo khoản 1, điều 1 của Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 25/10/2006. Theo đó, số tiền phải nộp từ năm 2011 đến tháng 07/2019 là 6.604.971.821 VND (trong đó, Công ty đã nộp 3.085.615.008 VND tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2014 theo Biên bản kiểm toán năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước) và tiền chậm nộp phát sinh đến ngày 30/09/2022 là 1.510.714.101 VND.

Ngày 30/09/2022, Công ty đã nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính (tạm nộp) tiền thuê đất còn phải nộp là 3.519.356.813 VND và tiền chậm nộp phát sinh đến ngày 30/09/2022 là 1.510.714.101 VND.

Ngày 12/06/2023, Công ty đã nhận được Văn bản số 5185/STNMT-QLĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc xác định mục đích sử dụng đất tại khu đất nêu trên. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh đã có ý kiến gửi Cục thuế Thành phố, cụ thể "*Khu đất 368 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân được sử dụng làm nhà xưởng bao bì, do đó theo quy định pháp luật đất đai quy định thuộc "Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp" nằm trong "đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp"*.

Ngày 20/06/2023, Công ty đã gửi Công văn số 869/CV-PBMN đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục thuế Quận Bình Tân về việc đề nghị tính lại tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp khu đất số 368 đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân.

Liên quan đến khoản tiền thuê còn lại chưa thực hiện Thông báo số 825432/TB-TB07-QTR ngày 16/09/2022, Công ty vẫn đang chờ phản hồi từ các cơ quan chức năng liên quan đến mục đích sử dụng đất thuê của Công ty.

**41 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Căn cứ theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 31/07/2023 và các Quyết định số 24/QĐ-HĐQT, Quyết định số 25/QĐ-HĐQT, Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 01/08/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty thông báo về việc thay đổi nhân sự của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam. Theo đó, Ông Đỗ Văn Tuấn được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/08/2023, Ông Trịnh Quốc Hùng được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Phòng Tổ chức - Hành chính kể từ ngày 01/08/2023, Bà Nguyễn Thị Hương được bổ nhiệm Phụ trách Kế toán Công ty kể từ ngày 01/08/2023.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp.  
Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến  
ngày 30/06/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.711.111.968</b>	<b>6.177.015.362</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	1.470.218.337	2.233.916.362
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	6.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	3.292.390.000	3.943.099.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	493.452.547	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	155.051.084	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>47.707.180.453</b>	<b>203.538.509.344</b>
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	11.110.681.545	43.322.920.963
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	4.351.860.000	29.322.500.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	16.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	-	2.319.815.955
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	11.093.956.778	49.985.585.326
- Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	29.052.650	43.220.500
- Công ty Cổ phần Bột giặt Net	7.254.480	4.466.600
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	21.114.375.000	62.540.000.000
<b>Doanh thu tài chính - Lãi bán hàng trả chậm</b>	<b>1.418.254.996</b>	<b>1.122.100.650</b>
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	1.418.254.996	1.122.100.650
<b>Doanh thu tài chính - Cổ tức được chia</b>	<b>56.642.040.000</b>	-
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	56.642.040.000	-
<b>Chia cổ tức</b>	<b>12.595.525.200</b>	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	12.595.525.200	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM**

Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
		VND	VND
<b>Thu nhập và Thù lao của người quản lý chủ chốt</b>			
- Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
- Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	353.932.000	281.660.659
- Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	267.792.000	243.801.988
- Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Ông Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	30.000.000	10.000.000
	<i>(Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2022)</i>		
- Ông Lê Việt Hưng	Thành viên HĐQT	-	20.000.000
	<i>(Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022)</i>		
- Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	250.417.000	202.211.988
- Ông Đỗ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	232.363.493	193.358.848
- Ông Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	27.400.000	-
	<i>(Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)</i>		
- Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát	146.611.625	177.721.326
	<i>(Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)</i>		
- Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
- Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên BKS	56.174.300	86.909.357
	<i>(Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)</i>		
- Ông Trần Châu Minh	Thành viên BKS	63.671.000	
	<i>(Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)</i>		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**44 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Người lập



Trần Thị Nga

Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Hương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2023.

Tổng Giám đốc



Đặng Tấn Thành